

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-02-2025
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Chí Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thúy D, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Văn D1, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Trần Hồng D2, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người đại diện hợp pháp của ông Trần Hồng D2: Ông Trần Vũ T, sinh năm 1993, trú tại: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo uỷ quyền (hợp đồng uỷ quyền ngày 17 tháng 12 năm 2024) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thúy D trình bày: Bà và ông Đặng Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống, ông L nhiều lần xúc phạm bà, đánh bà vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc bà không còn tình cảm với ông L nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Văn L. Trong quá trình chung sống bà và ông L có hai người con chung tên Đặng Kim V, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2011 và Đặng Văn T1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2012, con chung hiện đang do ông L trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà đồng ý giao con chung tên Đặng Kim V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi dưỡng Đặng Văn T1, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có. Về nợ chung đối với nợ ông Đặng Văn D1 bà thừa nhận bà có mượn tiền của ông D1 để trị bệnh cho ông L, bà đồng ý trả cho ông D1 1/3 số nợ với số tiền 47.000.000 đồng. Đối với số nợ ông Trần Hồng D2 bà thừa nhận bà và ông L có mua thịt heo của ông Trần Hồng D2 để bán lại cho người khác nhưng ông L ký nợ với ông Trần Hồng D2 nên ông L có trách nhiệm trả cho ông D2, bà không đồng ý cùng ông L trả nợ cho ông Trần Hồng D2.

- Tại biên bản hoà giải ngày 02 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà Huỳnh Thúy D trình bày. Do vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thúy D; về con chung ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Kim V, ông đồng ý giao người con chung tên Đặng Văn T1 cho bà D nuôi dưỡng, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có lấy thịt heo của người khác về bán kiếm lời và còn nợ ông Trần Hồng D2 ở huyện C 91.660.000 đồng; nợ ông Đặng Văn D1 số tiền 140.000.000 đồng. Nợ chung ông yêu cầu chia đôi, ông có trách nhiệm trả ½ số nợ; bà D phải có trách nhiệm trả ½ số nợ.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 18 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn D1 trình bày: Vào năm 2021 vợ chồng ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thúy D có mượn của ông số tiền 140.000.000 đồng. Nay ông L và bà D ly hôn ông yêu cầu ông L, bà D có nghĩa vụ trả ông số tiền 140.000.000 đồng, yêu cầu mỗi người trả cho ông 70.000.000 đồng.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 18 tháng 12 năm 2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hồng D2 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Vũ T đại diện ông Trần Hồng D2 trình bày: Từ năm 2022 đến năm 2023 ông Trần Hồng D2 có nhiều lần bán thịt heo cho vợ chồng ông L và

bà D. Đến ngày 25 tháng 12 năm 2023 ông L có làm biên nhận và thừa nhận còn nợ ông D2 số tiền 91.660.000 đồng. Nay vợ chồng ông L, bà D ly hôn ông đại diện cho ông Trần Hồng D2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và bà D trả cho ông D2 số tiền 91.660.000 đồng.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh Thúy D được ly hôn với ông Đặng Văn L. Do hai người con chung có nguyện vọng chung sống với ông L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 người con chung cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn L và ông Trần Hồng D2; buộc ông L, bà D có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn D1 số tiền 140.000.000 đồng, trả cho ông Trần Hồng D2 số tiền 91.660.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thúy D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Văn L, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đặng Văn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đặng Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thúy D và ông Đặng Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà Huỳnh Thúy D với ông Đặng Văn L là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà D yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Văn L vì cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thúy D. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Thúy D với ông Đặng Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thúy D về việc yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn L.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Huỳnh Thúy D với ông Đặng Văn L có hai người con chung tên Đặng Kim V, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2011 và Đặng Văn T1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2012; tại phiên tòa bà D xác định người con chung tên Đặng Kim V đang chung sống với ông L, người con chung tên Đặng Văn T1 đang chung sống với bà; bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Đặng Văn T1, giao

người con chung tên Đặng Kim V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Đặng Kim V, không đồng ý nuôi người con chung tên Đặng Văn T1. Hai người con chung có nguyện vọng được chung sống với ông T1. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao hai người con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, mặc dù hai người con chung đều có nguyện vọng được chung sống với ông L nhưng trong quá trình hoà giải ông L không đồng ý nuôi cả hai người con chung vì không có khả năng, ông L chỉ đồng ý nuôi người con chung tên Đặng Kim V, không đồng ý nuôi người con chung tên Đặng Văn T1. Tại đơn khởi kiện và biên bản hoà giải 02 tháng 12 năm 2024 bà D yêu cầu giao hai người con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng tại biên bản hoà giải ngày 18 tháng 12 năm 2024 và tại phiên toà bà D đồng ý nuôi người con chung tên Đặng Văn T1 và hiện nay Đặng Văn T1 đang chung sống với bà D. Để bảo đảm quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Đặng Kim V, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2011 cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; giao người con chung tên Đặng Văn T1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2012 cho bà Huỳnh Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thúy D và ông Đặng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Huỳnh Thúy D và ông Đặng Văn L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có mượn tiền của ông Đặng Văn D1 để trả tiền mua heo để vợ chồng bán lại và mượn tiền để điều trị bệnh, tổng cộng nợ ông Đặng Văn D1 140.000.000 đồng. Vợ chồng có mua heo của ông Trần Hồng D2 để bán lại và còn nợ ông D2 tổng cộng 91.660.000 đồng. Ông L yêu cầu chia đôi số nợ với bà D. Bà D thừa nhận có biết việc ông L mượn tiền của ông Đặng Văn D1 và bà có trực tiếp nhận tiền của ông Đặng Văn D1 để điều trị bệnh cho ông L; bà D có biết việc lấy thịt heo của ông Trần Hồng D2 để bán lại kiếm tiền lời sinh sống hàng ngày trong gia đình. Bà D không đồng ý trả tiền nợ ông Đặng Văn D1 và ông Trần Hồng D2 do ông L là người giữ tiền trong gia đình và ông L là người ký nhận nợ nên ông L có nghĩa vụ trả nợ, bà không đồng ý cùng ông L trả nợ. Ông Đặng Văn D1 yêu cầu ông L bà D trả số tiền 140.000.000 đồng, ông Trần Hồng D2 yêu cầu bà D, ông L trả số tiền 91.660.000 đồng. Xét thấy, việc ông L nợ ông Trần Hồng D2, Đặng Văn D1 bà D có trực tiếp nhận tiền và biết việc nợ tiền mua thịt heo của ông Trần Hồng D2; ông L mượn tiền ông Đặng Văn D1 và mua thịt heo của ông Trần Hồng D2 nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên đây là nợ chung của vợ chồng quy định tại điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, bà D có nghĩa vụ liên đới cùng ông L trả cho ông Đặng Văn D1 số tiền 140.000.000 đồng và trả cho ông Trần Hồng D2 số tiền 91.6000.000 đồng.

[7] Từ phân tích trên nên đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc giải quyết hôn nhân và nợ chung là có cơ sở nên được

Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc giao hai người con chung cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thúy D phải chịu 300.000 đồng, bà Huỳnh Thúy D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí. Ông Đặng Văn D1 và ông Trần Hồng D2 không phải chịu án phí, ông Đặng Văn D1 và ông Trần Hồng D2 đã nộp tiền tạm ứng án phí được nhận lại. Bà Huỳnh Thúy D và ông Đặng Văn L1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.583.000 đồng, mỗi người nộp 5.791.500 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 37 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thúy D và ông Đặng Văn L.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Đặng Kim V, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2011 cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; giao người con chung tên Đặng Văn T1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2012 cho bà Huỳnh Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thúy D và ông Đặng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nợ chung:

3.1 Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn D1. Buộc ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thúy D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn D1 số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng); ông Đặng Văn L, bà Huỳnh Thúy D mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông D1 70.000.000 đồng.

3.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Hồng D2. Buộc ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thúy D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn D1 số tiền 91.660.000 đồng (chín mươi một triệu sáu mươi sáu ngàn đồng); ông Đặng Văn L, bà Huỳnh Thúy D mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hồng D2 45.830.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Huỳnh Thúy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Bà Huỳnh Thúy D đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003885 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu án phí.

Ông Đặng Văn D1 không phải chịu án phí, ông D1 đã nộp tạm ứng án phí 3.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003675 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông D1 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Hồng D2 không phải chịu án phí, ông D2 đã nộp tạm ứng án phí 2.292.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003674 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông D2 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Huỳnh Thúy D và ông Đặng Văn L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.583.000 đồng, mỗi người nộp 5.791.500 đồng; nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đặng Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều